

Số: /BC-SNNMT

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Văn bản số 146/HĐND-KTNT ngày 24 ngày 3 tháng 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Báo cáo số 465/HĐND-BDT ngày 20 tháng 6 tháng 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết.

Sau khi nghiên cứu, rà soát, đối chiếu với quy định của pháp luật có liên quan, Sở Nông nghiệp và Báo cáo số 465/HĐND-BDT ngày 20 tháng 6 tháng 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết Môi trường báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo các ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổng số có 02 ý kiến thẩm tra. Đơn vị đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra 01/02 ý kiến, đề nghị giữ nguyên theo dự thảo 01/02 ý kiến. Cụ thể như sau:

1. Ý kiến thứ nhất: Tại Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Đề nghị bổ sung nguyên tắc thực hiện vào Điều 2 chỉnh sửa thành đối tượng áp dụng, nguyên tắc thực hiện: “*Chủ đầu tư, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có thể tham gia đồng thời các dự án nhưng không được trùng lặp về chính sách hỗ trợ cùng loại hoặc cùng một thời điểm*”.

* **Ý kiến của đơn vị soạn thảo văn bản:** Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị soạn thảo đề xuất bổ sung thêm 01 Điều trong dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc thực hiện, nội dung đề xuất như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. *Chủ dự án có thể tham gia đồng thời nhiều dự án trong cùng một thời điểm.*

2. Một đối tượng có thể tham gia nhiều dự án nhưng không được hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một loại cây trồng, vật nuôi hoặc sản phẩm sản xuất. Tổng mức hỗ trợ cho 01 đối tượng tham gia các dự án không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 trong Nghị quyết này.

3. Những nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”

2. Ý kiến thứ hai: Đề nghị xem xét lại Điều 5 của dự thảo Nghị quyết, đảm bảo phù hợp.

*** Ý kiến của đơn vị soạn thảo văn bản:** Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo Nghị quyết. Vì 04 căn cứ sau:

(1) Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định:

“1. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

(2) Căn cứ khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định cơ chế thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ:

“2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/01 dự án. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng bằng tiền, ngày công hoặc hiện vật.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương”.

(3) Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

“1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

...

d) Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định này”.

(4) Dự án theo nhiệm vụ có thể triển khai trong thực tế tại các địa phương khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“1. Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng một trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư;

b) Thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường hoặc hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế;

c) Thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

d) Thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới”.

- Do tính chất đặc thù của dự án theo nhiệm vụ, để cụ thể hóa quy định trong triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất giữ nguyên nội dung quy định **“Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án theo nhiệm vụ”** và và chuyên thành Điều 6 (vì đề xuất bổ sung thêm 01 Điều), quy định cụ thể như sau:

“1. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện 01 dự án nhưng tối đa là 03 tỷ đồng/dự án.”

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 -2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Các Sở: Tư pháp; Tài chính; Dân tộc và Tôn giáo; Nội vụ; Khoa học và Công nghệ; Công Thương;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, PTNT&QLCL. (Mai)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tấn Sơn

